TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 5 năm 2020
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quốc Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hưng và ông Hà Vĩnh.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Lô.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyên Sông Lô tham gia phiên toà: Bà Trịnh Hoàng Miên, kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Khổng Thị T, sinh năm 1995 (có mặt); nơi ĐKHK: Thôn T, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở hiện nay thôn N, xã C, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân C, sinh năm 1989 (vắng mặt); địa chỉ thôn T, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2019, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Khổng Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Xuân C ngày 09/11/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh C. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên uống rượu rồi về nhà vợ chồng cãi nhau, chị đã khuyên bảo anh C nhiều

lần nhưng anh C không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đến tháng 9/2019 trở nên trầm trọng chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Trong thời gian ly thân hai bên gia đình cũng không có biện pháp hòa giải gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn với anh Đỗ Xuân C.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Đỗ Thị Thảo V, sinh ngày 13/10/2013 và Đỗ Thị Vân A, sinh ngày 14/10/2016. Hiện nay hai con đang ở cùng anh C. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Vân A và để anh C nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Thảo V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hiện nay chị đang sống cùng bố mẹ đẻ có nhà ở ổn định và có thu nhập đủ điều kiện để chị nuôi con. Chị chuẩn bị đi làm công nhân ở Vĩnh Yên để nuôi dưỡng con. Từ khi sống ly thân đến nay chị vẫn phụ giúp cùng bố mẹ làm kinh tế.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị tự nguyện nộp toàn bộ.

Bị đơn anh Đỗ Xuân C trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị T trình bày là đúng, còn nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm là do anh có đi uống rượu rồi về nhà vợ chồng cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin đoàn tụ.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Đỗ Thị Thảo V, sinh ngày 13/10/2013 và Đỗ Thị Vân A, sinh ngày 14/10/2016. Hiện nay hai con đang ở cùng anh, ly hôn anh xin được nuôi dưỡng hai con và không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh đề nghị chị T nộp toàn bộ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khổng Thị T, cho chị Khổng Thị T được ly hôn anh Đỗ Xuân C.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc chau Đỗ Thị Vân A, sinh ngày 14/10/2016; anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ Thị Thảo V, sinh ngày 13/10/2013.

Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh C. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị T và anh C không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện, yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh C, trú tại thôn T, xã Đ, huyện Sông Lô. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo đúng theo các quy định tại các Điều 28, 39, 69, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo như chị T trình bày là do anh C thường xuyên uống rượu rồi về nhà vợ chồng cãi nhau, chị đã khuyên bảo anh C nhiều lần nhưng anh C không thay đổi. Anh C cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do anh có đi uống rượu rồi về nhà vợ chồng cãi nhau. Anh C đề nghị được đoàn tụ nhưng chị T kiên quyết đề nghị được ly hôn. Việc anh C đề nghị được đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên nguyện vọng được đoàn tụ của anh C không thực tâm. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài việc chị T xin ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[3]Về con chung: Chị T và anh C xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Thảo V, sinh ngày 13/10/2013 và Đỗ Thị Vân A sinh ngày 14/10/2016. Hiện nay hai con đang ở cùng anh C. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Vân A và để anh C nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Thảo V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Anh C đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con và không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con.

Qua xác minh tại địa phương thì anh C hiện nay đang ở cùng bố mẹ, anh Cương làm lao động tự do tại địa phương thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng / tháng.

Xét thấy hiện nay chị Thanh và anh C đều có nguyện vọng được nuôi con, anh chị đều có chỗ ở, thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Hiện nay cháu Đỗ Thị Vân A còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, cháu Đỗ Thị Thảo V đang ở với anh C ổn định. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của chị Thanh, giao cháu Đỗ Thị Vân A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Thị

Thảo V cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng là đảm bảo cho sự phát triển của cháu Đỗ Thị Vân A và cháu Đỗ Thị Thảo V, phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị T và anh C không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khổng Thị T: Chị Khổng Thị T được ly hôn anh Đỗ Xuân C.

2. Về con chung: Giao chị Khổng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ Thị Vân A, sinh ngày 14/10/2016; giao anh Đỗ Xuân C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ Thị Thảo V, sinh ngày 13/10/2013. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh C. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị T và anh C không đề nghị giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Khổng Thị T phải chịu 300.000đ nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001677 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Trần Quốc Hồng

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *THA huyện Sông Lô;*
- *UBND xã Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*